

Bản án số: 198/2020/HS-ST
Ngày 04-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 191/2020/HS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/HSST-QĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn D, sinh năm 1969 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số 128/8A khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Huỳnh Thị M (đã chết); bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1971, nhỏ sinh 1987; bị cáo có vợ tên Hứa Thị Ngọc L, sinh năm 1982, có 01 con ruột, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Số 70/4 tổ BL, khu phố C, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Ph (đã chết) và bà Đặng Thị L, sinh năm 1937; bị cáo có 04 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1959, nhỏ nhất sinh năm 1974; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972, có 02 con ruột, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/8/1999 bị Toàn án nhân dân thành phố B H, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 225/HSST; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 23/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Bùi Xuân H, sinh năm 1972 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Số 589/17/7 khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Xuân H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết); bị cáo có 07 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1954, nhỏ nhất sinh năm 1970; bị cáo có vợ tên Trần Thị Th, sinh năm 1978, có 03 con ruột, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/9/2006 bị Tòa án

nhân dân huyện D A (nay là thành phố D A), tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng theo Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2006/HSST; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Bùi Văn C, sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số 293/19B khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1953 và bà Trần Thị L, sinh năm 1955; bị cáo có 04 em ruột, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 23/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1980 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số 473/2/46/2 khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1942 và bà Đặng Thị Th (đã chết); bị cáo có 04 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm không rõ, nhỏ nhất sinh năm không rõ; bị cáo có chồng tên Từ Văn L (đã ly hôn), có 01 con ruột, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 08/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Võ Văn T, sinh năm 1985 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: Số 438/73, tổ MB, khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn A (đã chết) và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1947; bị cáo có 02 anh chị ruột, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1982; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1989; có 02 con ruột, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Trần Thị H, sinh năm 1968 tại tỉnh Bình Thuận; thường trú: Số 7/1A khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Gi (đã chết); bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm không rõ, nhỏ nhất sinh năm không rõ; bị cáo có chồng tên Nguyễn Hồng Ch, sinh năm 1968, có 04 con ruột, lớn sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 08/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Phạm Thị H, sinh năm 1982 tại tỉnh An Giang; thường trú: Số 12/14 khu phố Th Nh 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị Ch, sinh năm không rõ; bị cáo có 01 anh ruột, sinh năm 1975; bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1974 (đã ly hôn), có 02 con ruột, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Trần Thị Lê Hằng Ng, sinh năm 1979 tại tỉnh Ninh Thuận; thường trú: Thôn M, xã Nh H, huyện Th N, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở: Số 44/D1 khu phố Đ A, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần T (đã chết) và bà Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1957; bị cáo có 03 em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1996; bị cáo có 02 con ruột, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ

ngày 14/02/2020 đến ngày 08/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Quyết định bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Trần Văn N, sinh năm 1984 tại tỉnh Tây Ninh; thường trú: Số 635/17/2 Quốc lộ MB, khu phố B, phường H B Ph, quận Th Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Ph, sinh năm không rõ và bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm không rõ; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1985; bị cáo có vợ tên Bùi Thị Th, sinh năm 1987 (đã ly hôn), có 01 con ruột, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 14/02/2020 cho đến nay, có mặt.

** Người tham gia tố tụng khác*

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1986; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/02/2020, Võ Văn T, Trần Thị H, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Kim Ch, Trần Văn N, Trần Thị Lê Hằng Ng, Bùi Văn C đến nhà Trần Văn D tại địa chỉ số 128/8A khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương để đánh bạc bằng hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền, mỗi ván D cùng đồng phạm đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. D và đồng phạm đánh bạc đến 21 giờ cùng ngày thì có Bùi Xuân H và Nguyễn Văn S đến, lúc này H vào tham gia đánh bạc còn S đi ra ngoài có việc riêng đến khoảng 22 giờ thì S quay lại nhà D và cùng vào tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền. D cùng đồng phạm đánh bạc đến 23 giờ cùng ngày thì bị Công an phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương đến bắt quả tang. Tại đây Công an thu giữ 01 bộ bài tây 52 lá, 01 chiếc chiếu cói, 01 cái đĩa bằng nhựa, 01 cái ca bằng nhựa và tiền tang 5.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, xác định.

- Trần Văn D sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc D thắng 450.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 2.150.000 đồng.

- Bùi Xuân H mang theo và sử dụng 2.200.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc H thắng 650.000 đồng, khi bị bắt Công an thu giữ trong người 2.100.000 đồng và trên chiếu bạc 750.000 đồng.

- Nguyễn Văn S mang theo 4.600.000 đồng và sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc S không thắng, không thua, khi bị Công an bắt thu giữ trong người 4.000.000 đồng và trên chiếu bạc 600.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim Ch mang theo và sử dụng 3.600.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Ch thắng 800.000 đồng, khi bị Công an bắt thu giữ trong người 4.200.000 đồng và trên chiếu bạc 200.000 đồng.

- Bùi Văn C mang theo và sử dụng 3.500.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc C thua 1.000.000 đồng, khi bị Công an bắt thu giữ trong người 550.000 đồng và trên chiếu bạc 1.950.000 đồng.

- Võ Văn T mang theo và sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc T thua 800.000 đồng, khi bị Công an bắt thu giữ trong người 1.500.000 đồng và trên chiếu bạc 200.000 đồng.

- Trần Thị H mang theo và sử dụng 1.800.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc H thắng 600.000 đồng, khi bị Công an bắt thu giữ trong người 2.000.000 đồng và trên chiếu bạc 400.000 đồng.

- Phạm Thị H mang theo và sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Huệ thua 200.000 đồng, khi bị Công an bắt thu giữ trên chiếu bạc 400.000 đồng.

- Trần Thị Lệ Hằng Ng mang theo và sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, quá trình Ng thua 200.000 đồng, khi bị Công an bắt trên chiếu bạc 100.000 đồng.

- Trần Văn N mang theo 2.000.000 đồng và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc N thua 500.000 đồng, khi bị Công an bắt thu giữ trong người 1.500.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.300.000 đồng.

Đối với 1.500.000 đồng của Trần Văn N, 4.000.000 đồng của Nguyễn Văn S không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã trả lại số tiền trên cho N và S.

Tại Cáo trạng số: 225/CT-VKS-DA ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trần Văn D, Bùi Xuân H, Nguyễn Văn S, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Kim Ch, Võ Văn T, Trần Thị H, Phạm Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng và Trần Văn N phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Xử phạt Võ Văn T từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Xử phạt các bị cáo Trần Thị H, Phạm Thị H và Trần Thị Lệ Hằng Ng từ 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt Nguyễn Thị Kim Ch từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

+ Xử phạt Trần Văn N từ 11 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

+ Xử phạt Bùi Văn C từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S và Bùi Xuân H từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung các Nguyễn Văn S và Bùi Xuân H, mỗi bị cáo từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 17.300.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước

- Đối với 01 bộ bài tây 52 lá, 01 chiếc chiếu cói, 01 cái đĩa bằng nhựa và 01 cái ca bằng nhựa, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng đồng thời các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo; người làm chứng; biên bản biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và các chứng cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 20 giờ ngày 13/02/2020 tại địa chỉ số 128/8A khu phố Đ Th, phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương. Trần Văn D, Nguyễn Văn S, Bùi Xuân H, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Kim Ch, Võ Văn T, Trần Thị Hạ, Phạm Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng và Trần Văn N rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 17.300.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 17.300.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số: 225/CT-VKS ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng, nhưng đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc dưới mọi hình thức ăn thua bằng tiền nhằm sát phạt lẫn nhau đều vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo là người trực tiếp tham gia đánh bài xì zách thắng thua bằng tiền, bị cáo Dữ sử dụng nhà và thu tiền xâu trong quá trình đánh bạc.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ

sung năm 2017. Đối với các bị cáo Trần Văn D, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Kim Ch, Võ Văn T, Trần Thị H, Phạm Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng và Trần Văn N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Trần Văn D, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Kim Ch, Võ Văn T, Trần Thị H, Phạm Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng và Trần Văn N là người có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự và người lao động, bị cáo N là người không biết chữ. Còn các bị cáo Nguyễn Văn S và Bùi Xuân H là những người đã từng bị Tòa án xét xử về tội Cố ý gây thương tích và tội Đánh bạc, đã được xóa án tích nhưng không xem đó là bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[9] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú và làm việc rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt và người lao động, hơn nữa trong thời gian tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, đối với các bị cáo Chi, Hạnh, Nga và Nam thời giam tạm giam cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú đồng thời các bị cáo là người lao động có thu nhập thấp, nên không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nên cần hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 331, 332, 333, 334, 335/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với Trần Văn D, Nguyễn Văn S, Bùi Xuân H, Bùi Văn C, Võ Văn T và các Quyết định bảo lãnh số: 20, 21, 22, 23/2020/HSST-QĐBL ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với Phạm Thị H, Nguyễn Thị Kim Ch, Trần Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền của các bị cáo gây mất trật tự tại địa phương đồng thời để răn đe, giáo dục các bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Xét số tiền 17.3000.000 đồng, các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước

- Xét 01 bộ bài tây 52 lá, 01 chiếc chiếu cói, 01 cái đĩa bằng nhựa và 01 cái ca bằng nhựa, là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với 1.500.000 đồng của Trần Văn N, 4.000.000 đồng của Nguyễn Văn S không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã trả lại số tiền trên cho N và S là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn D, Bùi Xuân H, Nguyễn Văn S, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Kim Ch, Võ Văn T, Trần Thị H, Phạm Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng và Trần Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

1.1 Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 36; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 23/02/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 03 (ba) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T L, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn S 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 01 (một) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Xuân H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1. 2 Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn N 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 04/6/2020, tương đương 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày ngày cải tạo không giam giữ (bị cáo đã chấp hành xong).

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn N 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Trần Văn N ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo N không bị tạm giữ, bị bắt tạm giam về một tội phạm nào khác.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn D 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Võ Văn T 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 17/02/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 09 (chín) tháng 21 (hai mươi một) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị H 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 23/02/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn C 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị H 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 08/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị H 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Ch 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 08/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Kim Ch 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Lệ Hằng Ng 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/02/2020 đến ngày 08/4/2020. Bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 04 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày. Giao bị cáo về cho Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường T Đ H, thành phố D A, tỉnh Bình Dương được Bản án và Quyết định thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Thị Lệ Hằng Ng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Hủy bỏ các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 331, 332, 333, 334, 335/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 08 tháng 5 năm 2020 và các Quyết định bảo lãnh số: 20, 21, 22, 23/2020/HSST-QĐBL ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 17.300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 01526 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá, 01 chiếc chiếu cói, 01 cái đĩa bằng nhựa và 01 cái ca bằng nhựa.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Trần Văn D, Bùi Xuân H, Nguyễn Văn S, Bùi Văn C, Nguyễn Thị Kim Ch, Võ Văn T, Trần Thị H, Phạm Thị H, Trần Thị Lệ Hằng Ng và Trần Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (03);
- Chi cục THA thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (07);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Ngọc Công

